

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân – Bà Nguyễn Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 331/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc: *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H1, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tài H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tài H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 15 tháng 01 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể chung sống cùng nhau đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2010, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị đề ngày 06 tháng 02 năm 2023 bị đơn anh Nguyễn Tài H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị L về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với chị L vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Anh đề nghị Tòa án giải quyết để chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2010, anh không phải cấp dưỡng nuôi con,.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Tài H có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H, phường H1, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Tài H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Tài H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh H đều thừa nhận sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể chung sống cùng nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 01/11/2010. Anh, chị thống nhất để chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G. Xét thấy yêu cầu của chị L, anh H không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu G được ở cùng chị L khi chị L và anh H ly hôn. Khi ly hôn cha mẹ vẫn phải có nghĩa vụ với con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L được chấp nhận, buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu G 2.000.0000 đồng/ tháng, kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83; 107, 110; 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tài H

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu G, sinh ngày 01/11/2010. Anh Nguyễn Tài H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 2 năm 2023 cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Tài H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh H chậm thi hành, thì hàng tháng anh H còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0000051, ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Anh Nguyễn Tài H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tài H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
 - VKSND TP.Yên Bái;
 - Chi cục THADS TP.Yên Bái;
 - Các đương sự;
 - UBND P.H, TP.Y
- (Số GCNKH 10, quyển 02 ngày 15/01/2010);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền